

Bản án số: 190/2020/HS-ST
Ngày 16-6-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đức Kiên
2. Ông Trần Huỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Lệ Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 215/2020/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2522/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị Tuyết M;** giới tính: nữ; sinh ngày 07 tháng 5 năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A4 HTK, Phường C4, Quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông: NVV (chết) và bà: NTM (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 01 con (sinh năm 1993); tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giam ngày: 13/8/2019 (có mặt)

2. **Nguyễn Minh T;** giới tính: nam; sinh ngày 10 tháng 12 năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: bảo vệ; con ông: NVL và mẹ là bà NTL1; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không;

Tiền án: ngày 06/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (Bản án số 46/2014/HSST - BL 172-174); ngày 16/3/2016, chấp hành xong án phạt tù (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 55/GCN của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh - BL 177); đã thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm nhưng chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự (Công văn số 1289/CCTHADS ngày 17/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè về việc trả lời xác minh – BL 175);

Bị bắt, tạm giam ngày: 14/8/2019 (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Bà Hồ Ngọc Hiền Thảo - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Triển Luật, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Minh T (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Dũ - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Chuyên Chính, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Minh T (có mặt)

- *Bị hại:*

Ông Lương Minh T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: ấp B1, xã C1, huyện D1, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông NMG, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Trú tại: số A1, ấp B2, xã C2, huyện D2, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

■ Diễn biến sự việc:

Khoảng 15 giờ 00 ngày 16/3/2018, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M gọi điện thoại cho ông NMG nhờ ông G hỗ trợ đòi ông Lương Minh T1 số tiền 1.730.000.000 đồng mà ông T1 đã vay (không có giấy nợ) nhưng không trả. Sau đó ông G gọi điện thoại nhờ đối tượng LCT2 giúp bị cáo M nói chuyện với ông T1 để ông T1 trả tiền cho bị cáo. Lúc này, đối tượng T2 đang uống bia cùng bạn là các đối tượng tên T3, Đ (chưa rõ lai lịch) tại quán HK, ấp B3, xã C3, huyện D2, Thành phố Hồ Chí Minh; đối tượng T2 đồng ý và nói ông G đến quán HK để gặp. Ông G gọi điện thoại nói bị cáo M hẹn ông T1 đến quán HK, đến đây sẽ có nhóm của đối tượng T2 hỗ trợ đòi tiền.

Nguyễn Thị Tuyết M nhắn tin qua ứng dụng Zalo hẹn ông T1 đến quán HK để giới thiệu người cho ông vay tiền. Khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, bị cáo M đến quán HK gặp đối tượng T2 đang ngồi uống bia với các đối tượng T3, Đ cùng 02 người đàn ông và 01 người phụ nữ bông con nhỏ (chưa rõ lai lịch) tại bàn số 21, M ngồi vào cùng bàn.

Tiếp đến, Nguyễn Thị Tuyết M gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Minh T, nói bị cáo T đến quán HK để uống bia. Khoảng 30 phút sau, bị cáo T điều khiển xe gắn máy hiệu Dream, biển số 51U2-VVVV đến gặp M và ngồi vào bàn số 21 chung với nhóm của đối tượng T2. Trong lúc uống bia, bị cáo M kể cho nhóm đối tượng T2 nghe việc ông T1 nợ M 1.730.000.000 đồng không có giấy nợ và ông T1 không trả, M đã hẹn ông T1 đến quán HK và nhờ nhóm của đối tượng T2 cùng bị cáo T giúp đòi nợ, nhóm đối tượng T2 và bị cáo T đồng ý giúp M.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 16/3/2018, ông T1 điều khiển xe ô tô Toyota Innova màu trắng biển số 63A-YYY.YY đến quán HK. Ông T1 vào quán gặp Nguyễn Thị Tuyết M. Sau đó, bị cáo M và ông T1 dúi vào phía trong quán, ngồi vào bàn số 24 nói chuyện. Bị cáo M yêu cầu ông T1 trả nợ số tiền 1.730.000.000 đồng, ông T1 không đồng ý trả vì cho rằng bản thân không nợ bị cáo số tiền trên.

Lúc này, đối tượng LCT2 cùng đối tượng Đ và 01 người đàn ông (chưa rõ lai lịch) đang ngồi uống bia tại bàn số 21 đi qua bàn số 24 và ngồi 02 bên ông T1. Đối tượng T2 giật điện thoại trên tay ông T1 để lên bàn nhằm mục đích không cho ông T1 gọi điện thoại cầu cứu. Đối tượng Đ yêu cầu ông T1 trả tiền cho bị cáo M, ông T1 không đồng ý, Đ dùng tay phải tát 01 cái vào mặt ông T1, ông T1 ôm mặt chưa kịp phản ứng thì đối tượng T3 đi từ bàn số 21 qua chỉ vào mặt ông T1 đe dọa nếu không trả tiền cho M thì gặp ở đâu đâm ở đó rồi cầm ghế nhựa của bàn bên cạnh đập 01 cái từ trên xuống vào đầu ông T1 rồi quay lại ngồi bàn số 21. Thấy nhóm đi cùng bị cáo M đông và hung hãn, ông T1 sợ và im lặng. Bị cáo M lấy từ trong túi nylon mang theo ra 01 “Giấy mượn tiền” đã viết sẵn với nội dung: “Ngày 10/01/2017, T1 có vay của M số tiền 1.730.000.000 đồng, hẹn đến ngày 10/7/2017 sẽ trả” rồi buộc ông T1 ký tên và điểm chỉ. Do sợ bị tiếp tục đánh nên ông T1 đã ký và điểm chỉ vào giấy mượn tiền trên.

Nguyễn Thị Tuyết M cùng đối tượng Đ, đối tượng T2 ép buộc ông T1 phải để lại xe ô tô biển số 63A-YYY.YY và viết “Giấy cầm xe” rồi Đ, T2 và người đàn ông (bạn của Đ) kè theo ông T1 ra xe lấy giấy tờ xe (được để trên xe ô tô) và đồ cá nhân của ông T1 rồi quay lại bàn số 24 ngồi. Bị cáo M lấy ra tờ giấy trắng yêu cầu ông T1 viết “Giấy cầm xe” với nội dung: “Đồng ý cầm xe ô tô trên cho M với giá 300.000 đồng hẹn 02 tuần sau chuộc lại xe”. Do sợ M và người đi cùng đánh nên ông T1 đã viết và ký vào giấy này. Sau đó, M nói bị cáo Nguyễn Minh T (đang ngồi ở bàn số 21) sang ngồi viết 01 “Giấy chứng nhận” với nội dung: “Ngày 16/3/2018, M có nhận cầm xe ô tô biển số 63A-YYY.YY của T1”. Khi bị cáo T đang viết giấy trên thì ông T1 trách bị cáo M lừa ông T1 đến quán để đòi nợ, T liền dùng tay phải và đối tượng T2 dùng tay trái tát vào mặt ông T1, làm ông T1 sợ, không dám nói gì nữa. Sau khi viết xong “Giấy chứng nhận”, bị cáo M ký tên và đưa giấy này cho ông T1 giữ. Đ lấy chìa khóa xe ô tô của ông T1 (đang được để trên bàn) đưa cho 01 người đàn ông (không rõ lai lịch, do Đ gọi đến), người này điều khiển xe ô tô biển số 63A-YYY.YY chạy theo xe Air Blade của bị cáo M về đậu tại trước Trường tiểu học HTK, Phường C4, Quận D3 (gần nhà M ở). M trả công cho người này 200.000 đồng.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, lúc 22 giờ 00 cùng ngày, ông T1 đến Công an xã Đa Phước, huyện Bình Chánh tố cáo Nguyễn Thị Tuyết M và đồng phạm đánh, ép ông ký giấy mượn tiền 1.730.000.000 đồng, buộc ký giấy cầm xe 300.000.000 đồng để chiếm đoạt xe ô tô Toyota Innova biển số 63A-YYY.YY. Ông T1 nộp “Giấy chứng nhận” cầm xe ô tô mà bị cáo M đưa ông giữ.

Ngày 19/3/2018, khi được Công an xã Đa Phước, huyện Bình Chánh mời làm việc, Nguyễn Thị Tuyết M đã giao nộp xe ô tô Toyota Innova biển số 63A-YYY.YY cùng “Giấy mượn tiền” và “Giấy cầm xe” có chữ ký của ông T1.

Ngày 13 và 14/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Minh T.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Minh T khai nhận hành vi như đã nêu.

■ Các văn bản giám định của cơ quan chuyên môn:

Tại Kết luận định giá tài sản số 7187/KL-HĐ ĐG TS ngày 23/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố (BL 51-52) thể hiện:

Đối với tài sản là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu trắng, biển số 63A-YYY.YY, Hội đồng thống nhất kết quả định giá tài sản trong vụ án theo giá thị trường tại thời điểm ngày 16/3/2018 là: 595.333.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 814/KLGD-TT ngày 25/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 57-58) thể hiện:

1. Chữ viết nội dung: “311719809” (dòng thứ 6), “Áp 04 xã Tân Tây Gò Công Đông” (dòng thứ 7) và chữ ký, chữ viết họ tên “Lương Minh T1” dưới mục “Người mượn tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (01 “*Giấy mượn tiền*” *đứng tên người mượn tiền Lương Minh T1, đề ngày 10/1/2017*) so với chữ ký, chữ viết của Lương Minh T1 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ viết nội dung còn lại: “Cộng hòa... CMND số:”, “Địa chỉ:”, “Hôm nay... Người cho mượn” và chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Tuyết M” dưới mục “Người cho mượn” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Tuyết M trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M5 đến M7 do cùng một người ký, viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết mang tên Lương Minh T1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 (01 “*Giấy cầm xe*” *đứng tên Lương Minh T1, đề ngày 16/3/2018*) so với chữ ký, chữ viết của Lương Minh T1 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

4. Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Tuyết M” dưới mục “Ngày 16-3-2018” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 (01 “*Giấy chứng nhận*” *đứng tên Nguyễn Thị Tuyết M, đề ngày 16-3-2018*) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Tuyết M trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M5 đến M7 do cùng một người ký, viết ra.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 684/KLGD-TT ngày 10/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 60) thể hiện:

Chữ viết nội dung “Cộng Hòa Xã Hội ... Ngày 16-3-2018” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 (01 “*Giấy chứng nhận*” *đứng tên Nguyễn Thị Tuyết M, đề ngày 16-3-2018*) so với chữ viết của Nguyễn Minh T trên tài liệu mẫu ký hiệu M do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 690/KLGD-TT ngày 22/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 76) thể hiện:

1. Không thấy dấu hiệu cắt ghép nội dung trên tập tin video cần giám định (01 tập tin video được lưu trữ trong bộ nhớ USB hiệu Kingston – DT101 G2 màu xanh dương, dung lượng 4GB).

2. Đã trích xuất dữ liệu tập tin video cần giám định ra bản ảnh và mô tả đặc điểm nội dung các hình ảnh tại các thời điểm 17 giờ 31 phút 19 giây, 17 giờ 31 phút 57 giây, 17 giờ 57 phút 03 giây và 17 giờ 57 phút 04 giây.

Kèm theo Kết luận giám định là phụ lục (BL 77-79)

Tại bản Cáo trạng số 533/CT-VKS-P2 ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Minh T về “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Minh T khai nhận hành vi như nội dung bản Cáo trạng ghi nhận, thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt khoan hồng.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Nguyễn Thị Tuyết M: từ 13 đến 15 năm tù, Nguyễn Minh T: từ 11 đến 13 năm tù. Ngoài ra, Kiểm sát viên cũng đề nghị xử lý phần tang vật là các tài liệu văn bản, dữ liệu video theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Minh T không thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố vì cho rằng hành vi của các bị cáo không thỏa mãn yếu tố cấu thành “Tội Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, cụ thể:

Luật sư Thảo nhận định:

- Đối với bị cáo M: Bị cáo M không có sự bàn bạc, thỏa thuận, phân công những người khác đánh đập, đe dọa dùng vũ lực đối với bị hại; hành động đánh đập, đe dọa bị hại của những người khác là mang tính bột phát do họ bức xúc trước thái độ của bị hại, không liên quan đến bị cáo M, nếu những hành động này đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì họ phải tự chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo M cũng không có ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại mà chỉ mong muốn ông T1 xác nhận số nợ 1.730.000.000 đồng mà ông đã vay mượn bị cáo trong thời gian dài để ông không trốn tránh việc trả nợ, thực chất ở đây là xác nhận cho

một giao dịch mượn nợ. Bên cạnh đó, bị cáo đã cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng để bị hại mua chiếc xe ô tô biển số 63A-YYY.YY, bị cáo giữ chiếc xe trên để “làm tin”, không có ý định chiếm đoạt chiếc xe này mà chỉ mong muốn ông T1 hỗ trợ 300.000.000 đồng nên số tiền 300.000.000 đồng này không thể tách riêng mà nằm trong tổng số tiền 1.730.000.000 đồng ông nợ bị cáo. Bị cáo M và ông T1 có mối quan hệ mật thiết, sống chung như vợ chồng nên khi ông T1 vay mượn tiền M, M không xác lập những tài liệu, chứng cứ cho việc vay mượn này.

- Đối với bị cáo T: Trong trường hợp không có bị cáo T tại hiện trường thì sự việc vẫn diễn ra nên vai trò của bị cáo trong vụ án không quan trọng, không đáng kể. Bị cáo T viết “Giấy chứng nhận” là do M không có điều kiện viết (mất mớ tay yếu hay không bình tĩnh được) nên nhờ Thành viết. Bị cáo T đánh bị hại là do ông T1 “nói láo nhai”, làm Thành mất tập trung khi đang viết “Giấy chứng nhận”, không gây ra thương tích cho bị hại và bản thân bị hại cũng không yêu cầu Thành bồi thường dân sự. Bị cáo viết “Giấy chứng nhận” để M ký, không phải để ép bị hại ký. Mặc dù bị cáo T thừa nhận tại phiên tòa là được bị cáo M nhờ hỗ trợ việc đòi nợ ông T1 nhưng nếu không có Thành thì bản chất vụ án cũng không thay đổi. Luật sư cũng cho rằng bị cáo T chưa hoàn thành nghĩa vụ cấp dưỡng mà Bản án của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã tuyên là do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập bấp bênh, không đủ khả năng chi trả.

Từ đó, Luật sư Thảo đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung để xác định tội danh cho phù hợp với hành vi của các bị cáo; nếu xét thấy hành vi của các bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tuyên trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa. Ngoài ra, Luật sư Thảo cũng đề nghị xem xét lại giá trị tài sản bị chiếm đoạt cho phù hợp và nêu các tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trình độ học vấn thấp...

Luật sư Dĩ nhận định bị cáo M có hành vi nhờ một số đối tượng đến giúp đỡ giải quyết trong việc trao đổi với ông T1, trong quá trình trao đổi tuy có dùng vũ lực, có gây sức ép về mặt tinh thần đối với bị hại nhưng chưa thỏa mãn cấu thành tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố. Biết ông T1 không có khả năng trả nợ nên bị cáo M chuẩn bị sẵn “Giấy mượn tiền” chỉ nhằm mục đích cho ông T1 ký xác nhận số nợ, không có việc chuyển giao tài sản từ bị hại sang bị cáo. Sự việc cầm xe phát sinh sau sự việc viết “Giấy mượn tiền”, việc cầm xe này nằm ngoài ý thức ban đầu của bị cáo M. Còn tình tiết bị cáo T đánh ông T1 là khi Thành viết “Giấy chứng nhận” giùm bị cáo M, không ảnh hưởng đến việc bị hại viết “Giấy cầm xe”, tuy bị cáo T không kêu oan và thừa nhận có giúp bị cáo M đòi nợ nhưng vai trò của bị cáo trong vụ án không rõ. Bên cạnh đó, Luật sư cho rằng Cơ quan điều tra cần có trách nhiệm chứng minh mối quan hệ tình cảm cùng giao dịch vay mượn giữa bị cáo M và bị hại cũng như cho rằng ông T1 có dấu hiệu của “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, nếu cần thiết thì thực hiện việc khởi tố đối với ông T1 để tránh bỏ lọt tội phạm. Từ đó, Luật sư Dĩ đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung để làm rõ tình tiết mới như đã nêu và làm rõ về tội danh của các bị cáo.

Đôi đáp với quan điểm bào chữa của các Luật sư, Kiểm sát viên nhận định:

- Đối với bị cáo M: Hiện không có cơ sở chứng minh việc bị hại có vay mượn bị cáo M số tiền 1.730.000.000 đồng, nếu ông T1 ký vào “Giấy mượn tiền” nghĩa là ông thừa nhận nghĩa vụ phải trả số nợ trên. Trong vụ án này, bị cáo M đã nhờ bị cáo T, đối tượng T2 và các đối tượng khác thực hiện sự uy hiếp tinh thần đối với bị hại, nếu không có sự uy hiếp này thì ông T1 đã không ký vào “Giấy mượn tiền”, “Giấy cầm xe”. Việc các Luật sư cho rằng hành vi của bị cáo M, bị cáo T là tách biệt với nhau và tách biệt với hành vi của các đối tượng khác là không có cơ sở; trong vụ án này, các hành vi trên là một chuỗi liên tiếp, không thể bị cắt khúc: Ông T1 bị đánh rồi bị ép viết “Giấy mượn tiền”, sau đó ông T1 bị ký vào “Giấy cầm xe”; ông T1 không đồng ý với việc nhận số nợ trên cũng như không thừa nhận có việc cầm cố xe nên ông đã đi tố cáo. Quan hệ tình cảm giữa bị cáo M và ông T1 hiện không có cơ sở chứng minh, tuy nhiên, quan hệ tình cảm này nếu có thì cũng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án do thực tế không thể chứng minh ông T1 có vay mượn tiền của bị cáo M.

- Đối với bị cáo T: Thực tế bị cáo T đã đồng ý giúp đỡ bị cáo M trong việc đòi nợ; lúc ông T1 bị đánh đập, bị uy hiếp, bị cáo T đã chứng kiến ngay từ đầu và khi được M nhờ viết “Giấy chứng nhận” thì bị cáo đã viết; khi bị hại không đồng ý cầm xe thì bị cáo đã tát bị hại. Việc Luật sư cho rằng vai trò của bị cáo T trong vụ án là không đáng kể thì đã có quy định về quyết định hình phạt đối với trường hợp cần phân hóa vai trò trong vụ án có đồng phạm, không thể nói là bị cáo T không phạm tội.

- Đối với tổng giá trị tài sản mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào các chứng cứ thực tế là “Giấy mượn tiền” và “Giấy cầm xe” để xác định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cũng không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Quá trình điều tra vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện lời khai của các phù hợp với nhau và phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản trích xuất dữ liệu camera, biên bản xác định địa điểm, bản kết luận giám định... Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nội dung vụ án như bản Cáo trạng ghi nhận. Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Minh T đã có hành vi uy hiếp tinh thần của bị hại là ông Lương Minh T1 để chiếm đoạt tài sản nên phạm “Tội Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu và sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội.

Trong vụ án này, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Minh T đã có hành vi cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M:

Là người chủ động nhờ ông NMG hỗ trợ, sau khi được ông G giới thiệu cho nhóm của đối tượng T2, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M chủ động hẹn bị hại (ông Lương Minh T1) và bị cáo Nguyễn Minh T đến quán HK (nơi có nhóm của đối tượng T2 đang ngồi uống bia). Trước khi ông T1 đến địa điểm trên, bị cáo M đến trước, thống nhất ý chí với bị cáo T và nhóm của T2 trong việc hỗ trợ đòi nợ bị hại.

Khi ông Lương Minh T1 đến quán HK, các đối tượng T2, Đ, T3... đã có các hành vi uy hiếp tinh thần bị hại (ngồi kèm hai bên bị hại, T2 giật điện thoại ông T1 để lên bàn nhằm tránh việc ông cầu cứu; Đ tát 01 cái vào mặt ông, khi ông T1 ôm mặt chưa kịp phản ứng thì T3 chỉ vào mặt ông đe dọa nếu không trả tiền cho M thì gặp ở đâu đâm ở đó rồi cầm ghế nhựa đập 01 cái từ trên xuống vào đầu ông...). Nhân cơ hội này, bị cáo M đã buộc bị hại thừa nhận đã vay mượn tiền từ M (ký, điểm chỉ vào 01 “Giấy mượn tiền” được viết sẵn nội dung ông có vay của M số tiền 1.730.000.000 đồng); thừa nhận có vay tiền bằng biện pháp bảo đảm là cầm cố chiếc xe biển số 63A-YYY.YY (qua định giá có giá trị 595.333.000 đồng) thông qua việc buộc ông T1 viết “Giấy cầm xe” (nội dung cầm xe ô tô trên cho M với giá 300.000.000 đồng, hạn 02 tuần lễ sau sẽ chuộc lại). Tiếp đến, M yêu cầu bị cáo T viết “Giấy chứng nhận” (nội dung M có nhận cầm xe ô tô biển số 63A-YYY.YY của T1), ký tên và giao cho bị hại “Giấy chứng nhận” trên. Bị cáo cũng là người yêu cầu đem xe ô tô chiếm đoạt được về đậu trước Trường tiểu học HTK, Phường C4, Quận D3 (gần nhà M ở) và trả công cho đối tượng này 200.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Minh T:

Khi được bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M nhờ giúp đòi nợ, bị cáo Nguyễn Minh T đồng ý. Lúc ông T1 đến quán HK, ông T2 và nhóm bạn của ông do được sự nhờ cậy của bị cáo M trước đó nên đã dùng ghế nhựa, tay đánh và nói lời uy hiếp buộc ông T1 phải ký giấy nợ và cầm xe. Bị cáo T là người chứng kiến sự việc từ đầu đến cuối, ngồi cùng bàn với phía các đối tượng khác khi các đối tượng này di chuyển một phần sang bàn của ông T1 và thực hiện hành vi uy hiếp đối với ông. Trong mối tương quan lực lượng giữa một bên là các bị cáo M, T, T2 cùng các đối tượng khác và một bên là bị hại T1 thì sự có mặt của bị cáo T thời điểm ban đầu đã tăng mức độ uy hiếp đối với bị hại. Khi được M nhờ viết “Giấy chứng nhận” với nội dung như đã nêu, bị cáo T đồng ý và viết giúp theo yêu cầu của M. Trong lúc ngồi viết giấy trên, bị hại có lời nói không đồng ý cầm xe, bị cáo T tát vào mặt ông T1 làm ông sợ, không dám phản kháng. Diễn biến trên cho thấy bản thân bị cáo T đã thống nhất giúp M đòi nợ và thực tế bị cáo đã tham gia vào quá trình đòi nợ này.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M là người khởi xướng, chủ mưu trong việc đưa bị hại đến hiện trường vụ án, chỉ huy các đối tượng khác uy hiếp tinh thần ông T1 nhằm chiếm đoạt tài sản của ông. Bị cáo Nguyễn Minh T thống nhất ý chí với bị cáo M và nhóm đối tượng LCT2 trong việc uy hiếp tinh thần bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản, trực tiếp thực hiện một trong những phân đoạn của việc uy hiếp này. Hành vi đe dọa dùng vũ lực của các bị cáo đã uy hiếp tinh thần ông T1 nhằm chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là tổng số tiền trên “Giấy mượn tiền” và trị giá chiếc xe ô tô qua định giá: 2.325.333.000 đồng (= 1.730.000.000 đồng + 595.333.000 đồng), thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Minh T đã bị xử phạt về “Tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Như vậy, như đã phân tích, trong vụ án này, bị cáo M giữ vai trò là người khởi xướng, chủ mưu; bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm thứ yếu nhưng do có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

[3] Đối với trị giá tài sản bị chiếm đoạt:

Tại phiên tòa, Nguyễn Thị Tuyết M khẳng định khi yêu cầu bị hại viết “Giấy cầm xe” (nội dung cầm xe ô tô trên cho M với giá 300.000.000 đồng, hẹn 02 tuần lễ sau sẽ chuộc lại), mục đích của bị cáo là buộc ông T1 thừa nhận có vay số tiền 300.000.000 đồng, từ đó có cơ sở để buộc ông đưa số tiền trên, còn chiếc xe ô tô chỉ là tài sản đảm bảo cho việc ông T1 sẽ trả số tiền này, bị cáo không có ý định chiếm đoạt trị giá chiếc xe (qua định giá là 595.333.000 đồng).

Tuy nhiên, thực tế nhóm của bị cáo M lấy chìa khóa xe ô tô của ông T1 (đang được để trên bàn) đưa cho 01 người đàn ông (không rõ lai lịch), người này điều khiển xe ô tô biển số 63A-YYY.YY chạy theo xe Air Blade của bị cáo M về đậu tại trước Trường tiểu học HTK, Phường C4, Quận D3 (gần nhà M ở). Như vậy, việc buộc bị hại viết “Giấy cầm xe” là một thủ đoạn để các bị cáo di chuyển chiếc xe ô tô trên ra khỏi phạm vi quản lý của người quản lý hợp pháp là bị hại, từ đó chiếm đoạt chiếc xe trên, còn việc qua 02 tuần lễ nữa, khi bị hại đem số tiền 300.000.000 đồng đến thì các bị cáo có hoàn trả chiếc xe trên hay không thì không thể xác định được.

Bên cạnh đó, căn cứ vào thông tin do Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam cung cấp tại Văn bản số 330/2018/KHCN-CNTTG ngày 26/6/2018 (BL 37) thì ông Lương Minh T1 đã vay tiền tại Ngân hàng để mua chiếc xe ô tô biển số 63A-YYY.YY, do đó, việc Luật sư cho rằng bị cáo M có cho ông T1 số tiền 100.000.000 đồng để mua chiếc xe ô tô này là không có cơ sở.

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận tại bản Cáo trạng, từ đó xem xét trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án theo trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.325.333.000 đồng (= 1.730.000.000 đồng + 595.333.000 đồng).

[4] Đối với đối tượng LCT2: Quá trình điều tra thể hiện đối tượng T2 có hành vi cùng đồng phạm hỗ trợ, giúp sức Nguyễn Thị Tuyết M đánh, gây sức ép bắt ông Lương Minh T1 ký giấy nợ và giấy cầm xe ô tô. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định khởi tố bị can số 1081-50 ngày 08/8/2019 và Quyết định truy nã bị can số 1081-60 ngày 15/8/2019 đối với đối tượng T2 về “Tội Cưỡng đoạt tài sản” (BL 200, 198); tiếp đó, ra Quyết định tách vụ án hình sự số 507-07 ngày 16/8/2019 để tiếp tục điều tra đối với LCT2 (BL 211).

Đối với ông NMG: Ông G có hành vi gọi đối tượng LCT2 đến hỗ trợ bị cáo M đòi nợ nhưng ông G nói đối tượng T2 không được đánh ông T1 mà chỉ nói chuyện với ông T1 để ông T1 trả nợ cho bị cáo M và bảo vệ M nếu M bị đánh. Việc đối tượng T2 cùng đồng phạm đánh và ép ông T1 ký giấy nợ và giấy cầm xe ô tô là ngoài ý muốn của ông G; bên cạnh đó, ông G không có mặt ở hiện trường vụ án. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với ông G.

Đối với các đối tượng khác chưa rõ lai lịch như T3, Đ...: Các đối tượng này giúp sức bị cáo M trong việc đánh, gây sức ép bắt ông Lương Minh T1 ký giấy nợ và giấy cầm xe ô tô nên có dấu hiệu cấu thành “Tội Cưỡng đoạt tài sản”, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, truy tìm, củng cố chứng cứ để xem xét trách nhiệm, xử lý sau.

[5] Đối với việc các Luật sư cung cấp tài liệu trao đổi với những người liên quan và cho rằng tài liệu này có cơ sở chứng minh ông T1 đã vay mượn tiền của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M như bà LTTL, ông TTP, bà TĐP1, bà NPL... (đã được nêu tại Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 17/2020/HSST – QĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh): Theo Biên bản làm việc ngày 16/3/2020 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh giữa Cơ quan điều tra và Luật sư Hồ Ngọc Hiền Thảo (BL 430) thì ông P có họ tên đầy đủ là TMP, bà L có họ tên là NTP2; tuy nhiên, qua điều tra xác minh thì không xác định được nơi cư trú của ông P (BL 429); bà ĐP1 không đồng ý làm việc do bị cáo M nợ tiền không trả (BL 442); bà Linh không rõ địa chỉ ở đâu; riêng bà L có lời khai vào ngày 01/10/2018 xác định có cho bị cáo M vay tiền nhiều lần nhưng không viết giấy nợ và không biết bị cáo sử dụng tiền vào việc gì, bà L thấy ông T1 và bị cáo M thường đi chung nên nghĩ cả hai có quan hệ tình cảm với nhau (BL 338-340). Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành thủ tục đối chất giữa bị cáo M và ông T1, có sự chứng kiến của

Kiểm sát viên và Luật sư Hồ Ngọc Hiền Thảo (Biên bản đối chất ngày 29/3/2020 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh – BL 419-422) nhưng không có cơ sở chứng minh việc có hay không quan hệ tình cảm cũng như quan hệ vay mượn giữa bị cáo M và ông T1. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm nêu trên tại Công văn số 106/VKS-P2 ngày 15/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm lập luận trong phần tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Vật chứng của vụ án:

- Đối với các tài liệu như 01 “Giấy mượn tiền” ghi ngày 16/3/2018, 01 “Giấy cầm xe” ghi ngày 16/3/2018, 01 “Giấy chứng nhận” cầm xe ghi ngày 16/3/2018 (hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án - BL 67, 66, 63): Do đây là chứng cứ trực tiếp của vụ án, Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Đối với 02 usb hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án, gồm 01 usb chứa dữ liệu ghi hình (theo Biên bản thu giữ vật chứng ngày 19/3/2018 tại quán HK – BL 72 – thể hiện nội dung ghi hình được trích xuất camera tại quán HK trong vụ “Cuồng đoạt tài sản”) và 01 usb chứa dữ liệu file ghi âm (theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 12/3/2020 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh – BL 426 - thể hiện là được Luật sư Hồ Ngọc Hiền Thảo nộp với nội dung file ghi âm cuộc nói chuyện giữa Luật sư Thảo, đương sự T5 với những người mà Luật sư Thảo và T5 nói là bà L, Đ1, PL1, ông P): Do đây là chứng cứ trực tiếp của vụ án, Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- 01 xe ô tô Toyota Innova, màu trắng, biển số 63A-YYY.YY: Ngày 16/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định xử lý vật chứng số 507-16, nội dung: Xử lý xe ô tô trên bằng hình thức giao trả cho chủ sở hữu là ông Lương Minh T1 (BL 56A). Ngày 18/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã giao trả chiếc xe trên cho ông T1 (Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18/7/2019 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh – BL 56B).

Riêng đối với Giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe trên, tại Công văn số 106/VKS-P2 ngày 15/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ghi nhận: Ngày 19/3/2018, sau khi ông T1 tố cáo, bị cáo M đã đến Công an xã Đa Phước giao nộp xe ô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe (bản sao y chứng thực) và Cơ quan điều tra đã lập biên bản thu giữ bản sao này (BL 32, 424). Do Giấy chứng nhận trên là bản sao y (bản chính hiện do Ngân hàng TMCP ĐC VN giữ) nên ông T1 không có nhu cầu nhận lại. Vì vậy, Quyết định xử lý vật chứng số 507-16 ngày 16/7/2019 chỉ giao trả chiếc xe ô tô cho ông T1 mà không giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông T1. Hiện bản sao này tiếp tục được lưu trong hồ sơ vụ án (BL 33A).

[8] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận quan điểm bào chữa của các Luật sư về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung về tội danh cũng như tuyên trả tự do cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo M);

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 170; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Minh T phạm “Tội Cường đoạt tài sản”;

Xử phạt:

1. Nguyễn Thị Tuyết M: 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2019.

2. Nguyễn Minh T: 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2019.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (2)
- Bị hại; (2)
- Người có QLNVLQ; (2)
- Luật sư; (2)
- Thi hành án hình sự; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (32) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan